TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 590/2025/DS-PT
Ngày: 21-8-2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Bà Kiều Kim Xuân

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Vũ Đình Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31/7/2025 và ngày 21/8/2025 tại trụ sở 1 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 270/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025, về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2025/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp (Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đồng Tháp) bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 420/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ trụ sở chính: Số B, L, phường G (phường T, quận B), Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Xuân T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh S, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Hoàng Xuân T ủy quyền lại: Ông Huỳnh Bạch K (Có mặt), chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh S, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ chi nhánh: Số A, T, khóm K, phường S (Khóm A, Phường B, thành phố S), tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Lê Thanh T1, sinh năm 1970 (Có mặt).

Địa chỉ: Số D, T, khóm S, phường S (Khóm C, Phường A, thành phố S), tỉnh Đồng Tháp.

Chổ ở hiện nay: Số E, đường K, khóm C, phường S (Khóm E, Phường A, thành phố S), tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Vũ Ngọc T2, sinh năm 1966 (Có mặt).

Địa chỉ: Số A, H, phường H (Phường A, Quận A), Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Ông Lê Thanh T1 là bị đơn và bà Vũ Ngọc T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng N có ông Huỳnh Bạch K là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Từ tháng 7/2021 đến tháng 4/2023, ông Lê Thanh T1 đến Ngân hàng làm thủ tục vay vốn, đồng thời có mở số tài khoản 6501919277989 tại Ngân hàng, thời hạn vay 05 năm, lãi suất 10,5%/năm và thay đổi theo từng thời kỳ ký hợp đồng vay, mục đích vay để trồng hoa kiểng. Để đảm bảo khoản vay, ngày 19/7/2021 ông T1 ký các Hợp đồng thế chấp số 66, 67 và 68/TC để thế chấp 03 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất các thửa 517, 518 và 519 cùng tờ bản đồ số 41, đất tại xã T do ông T1 đứng tên QSD đất. Ngân hàng và ông T1 có ký kết các Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

- Ngày 21/7/2021 ký Hợp đồng tín dụng số 6501-LAV-202101267 để vay 300.000.000 đồng, Ngân hàng chuyển khoản qua số tài khoản 6501919277989 của ông T1. Ông T1 đã trả xong gốc và lãi vào ngày 22/3/2022.

- Ngày 07/10/2021 ký Hợp đồng tín dụng số 6501-LAV-202101561 để vay 750.000.000 đồng, Ngân hàng giải ngân vào tài khoản 6501919277989 của ông T1 qua 03 lần là 600.000.000 đồng: Lần 1 vào ngày 07/10/2021 giải ngân 200.000.000 đồng; Lần 2 vào ngày 27/12/2021 giải ngân 100.000.000 đồng; Lần 3 vào ngày 04/4/2022 giải ngân 300.000.000 đồng. Ông T1 trả xong gốc và lãi ngày 10/4/2023.

- Ngày 22/4/2022 ký Hợp đồng tín dụng số 6501-LAV-202200737 vay 300.000.000 đồng, ông T1 nhận đủ, đã thanh toán gốc và lãi ngày 25/7/2022.

- Ngày 20/5/2022 ký Hợp đồng tín dụng số 6501-LAV-202200919 và Phụ lục hợp đồng để vay 300.000.000 đồng, Ngân hàng đã giải ngân qua số tài khoản 6501919277989 của ông T1, ông T1 trả gốc 60.000.000 đồng, còn nợ gốc 240.000.000 đồng và lãi đến ngày 07/6/2024 là 26.818.357 đồng. Vào ngày 26/7/2022 Ngân hàng trả lại ông T1 01 bản gốc giấy chứng nhận QSD đất thửa 517, hiện nay ông T1 còn thế chấp 02 bản gốc giấy chứng nhận QSD đất các thửa 518, 519 cùng tờ bản đồ số 41 tại Hợp đồng thế chấp QSD đất số 67 và 68/TC ngày 19/7/2021. Từ ngày 20/5/2024 đến nay ông T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

- Ngày 11/4/2023 ký Hợp đồng tín dụng số 6501-LAV-202300581 và Phụ lục hợp đồng để vay 400.000.000 đồng, Ngân hàng đã giải ngân qua số tài khoản 6501919277989 của ông T1 vào ngày 12/4/2023. Từ lúc vay đến nay ông T1 chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc nhưng trả lãi 13.287.671 đồng. Hiện nay còn nợ gốc 400.000.000 đồng và lãi đến ngày 07/6/2024 là 42.340.821 đồng.

Nay, Ngân hàng yêu cầu ông T1 có nghĩa vụ trả nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 6501-LAV-202200919 ngày 20/5/2022 số tiền 240.000.000 đồng, lãi đến ngày 07/6/2024 là 26.818.357 đồng và Hợp đồng tín dụng số 6501-LAV-202300581 ngày 11/4/2023 số tiền 400.000.000 đồng và lãi đến ngày 07/6/2024 là 42.340.821 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 709.159.178 đồng và yêu cầu ông T1 tiếp tục trả lãi từ ngày 08/6/2024 đến khi trả xong.

Trường hợp, ông T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi toàn bộ tài sản mà ông T1 đã thế chấp cho Ngân hàng. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng thì ông T1 có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho đến khi trả xong nợ. Ngân hàng tự nguyện giao trả cho ông T1 tài sản thế chấp khi đã thanh toán xong tất cả các khoản nợ cho Ngân hàng. Ngoài ra, Ngân hàng không còn ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Lê Thanh T1 trình bày:

Từ tháng 7/2021 đến ngày 20/5/2022 ông đến Ngân hàng làm thủ tục vay vốn và có mở số tài khoản 6501919277989 tại Ngân hàng, mục đích vay vốn để trồng hoa kiểng, thời hạn vay 05 năm, lãi suất 10,5%/năm, lãi thay đổi theo từng thời kỳ ký hợp đồng tín dụng. Đồng thời, ông và Ngân hàng có ký kết các Hợp đồng thế chấp số 66, 67 và 68/TC vào ngày 19/7/2021 để thế chấp 03 bản gốc giấy chứng nhận QSD đất các thửa 517, 518 và 519 cùng tờ bản đồ số 41, đất tại xã T để vay số tiền cụ thể như sau:

- Vào ngày 21/7/2021 ông có ký tên vay tại Ngân hàng thông qua Hợp đồng tín dụng số 6501-LAV-202101267, Ngân hàng giải ngân vào tài khoản của ông 6 số tiền 300.000.000 đồng.

- Ngày 07/10/2021 ông có ký tên vay tại Ngân hàng thông qua Hợp đồng tín dụng số 6501-LAV-202101561 để vay 750.000.000 đồng nhưng Ngân hàng giải ngân cho ông số tiền 300.000.000 đồng.

- Ngày 22/4/2022 ông có ký tên vay tại Ngân hàng thông qua Hợp đồng tín dụng số 6501-LAV-202200737, Ngân hàng giải ngân vào tài khoản của ông số tiền 300.000.000 đồng, vào ngày 04/4/2022 ông không nhận 300.000.000 đồng của Ngân hàng.

- Ngày 20/5/2022 ông có ký tên vay tại Ngân hàng thông qua Hợp đồng tín dụng số 6501-LAV-202300581, Ngân hàng giải ngân vào tài khoản của ông số tiền 300.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền ông vay là 1.200.000.000 đồng, hiện nay ông đã trả đủ gốc và lãi cho Ngân hàng. Ngân hàng có trả cho ông 01 bản gốc giấy chứng nhận QSD đất thửa 517, còn 02 bản gốc giấy chứng nhận QSD đất thửa 518 và 519 đến nay chưa trả.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 6501-LAV-202300581 do Ngân hàng lập ngày 11/4/2023 nhưng ngày 12/4/2023 ông có đến Ngân hàng ký tên vào hợp đồng này để vay số tiền 400.000.000 đồng, hợp đồng này do ông Nguyễn Quang D (cán bộ Ngân hàng) kêu ông ký tên. Ngày 12/4/2023 trong tài khoản ông có 400.000.000 đồng nhưng ông không biết ai chuyển vào tài khoản của ông và ông không có rút tiền mặt 400.000.000 đồng vào ngày 12/4/2023, ông nhiều lần xem đoạn camera của ngày 12/4/2023 do Ngân hàng cung cấp, nhưng không có đoạn camera lúc ông rút tiền mặt 400.000.000 đồng. Ông thừa nhận chữ ký và ghi họ tên của ông tại các Hợp đồng tín dụng, thế chấp, giấy đề nghị, giấy nhận nợ, giấy rút tiền… là do ông ký và viết. Ông có khiếu nại việc ông không nhận khoản vay 400.000.000 đồng vào ngày 12/4/2023 đối với Ngân hàng N1, Ngân hàng Nông nghiệp tỉnh Đ, Ngân hàng N2, Công an thành phố S đã có kết quả trả lời khiếu nại của ông bằng văn bản: Ông thừa nhận ký và ghi họ tên trên tất cả các Hợp đồng tín dụng, thế chấp, giấy nhận nợ, giấy rút tiền.

Nguồn gốc các thửa đất 518 và 519 cùng tờ bản đồ số 41, đất tại xã T do ông đứng tên QSD đất, vợ ông là bà T2 có ký ủy quyền cho ông quyết định mọi vấn đề liên quan đến các thửa đất trên. Hiện các thửa đất trên là đất trống, do ông quản lý, không cho ai thuê, cũng như không chuyển nhượng cho ai.

Nay ông không đồng ý theo yêu cầu của Ngân hàng vì ông đã trả đủ gốc và lãi cho Ngân hàng. Ông yêu cầu Ngân hàng trả lại 02 bản gốc giấy chứng nhận QSD đất thửa 518 và 519 cùng tờ bản đồ số 41. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Ngọc T2 trình bày:

Bà là vợ của ông T1, bà thống nhất lời trình bày của ông T1 là đúng, toàn bộ việc ông T1 vay tiền cũng như trả nợ Ngân hàng bà không trực tiếp thực hiện nhưng bà biết ông T1 vay tiền cũng như đã trả nợ cho Ngân hàng. Bà có ký ủy quyền cho ông T1 toàn quyền quyết định các vấn đề liên quan đến các thửa đất 518 và 519.

Nay, bà yêu cầu Ngân hàng trả lại 02 bản gốc giấy chứng nhận QSD đất thửa 518 và 519 cùng tờ bản đồ số 41. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2025/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp (Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đồng Tháp) (viết tắt bản án sơ thẩm) đã xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

1.1. Buộc ông Lê Thanh T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền gốc và lãi đến ngày 07/6/2024 là 709.159.178 đồng (Bảy trăm lẻ chín triệu một trăm năm mươi chín nghìn một trăm bảy mươi tám đồng) và tiếp tục trả lãi từ ngày 08/6/2024 đến khi trả nợ xong theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

1.2. Trong trường hợp ông Lê Thanh T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông Lê Thanh T1 theo các Hợp đồng thế chấp đã ký kết. Nếu tài sản không đủ thi hành án thì ông Lê Thanh T1 có nghĩa vụ trả nợ đến khi trả nợ xong.

1.3. Ngân hàng N tự nguyện giao trả cho ông Lê Thanh T1 tài sản thế chấp là bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa 518 và 519 cùng tờ bản đồ số 41, đất do ông Lê Thanh T1 đứng tên quyền sử dụng khi đã thanh toán xong tất cả các khoản nợ cho Ngân hàng (nếu còn).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Thanh T1 và bà Vũ Ngọc T2 yêu cầu Ngân hàng N trả lại 02 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa 518 và 519 cùng tờ bản đồ số 41, do ông Lê Thanh T1 đứng tên quyền sử dụng.

3. Về án phí, tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng:

3.1. Ông Lê Thanh T1 phải chịu 32.366.500 đồng (Ba mươi hai triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Ông Lê Thanh T1 và bà Vũ Ngọc T2 cùng liên đới chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm do không chấp nhận yêu cầu phản tố, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007993 ngày 13/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Hoàn trả cho Ngân hàng N 16.183.000 đồng (Mười sáu triệu một trăm tám mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007952 ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Ngân hàng N tự nguyện chịu 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng) chi phí tố tụng (đã chi xong).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm. Ông Lê Thanh T1 là bị đơn và bà Vũ Ngọc T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thống nhất bản án sơ thẩm nên đã kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Lê Thanh T1 trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Bởi các lý do như sau:

+ Thứ nhất, tổng cộng số tiền vay ở Ngân hàng là 1.200.000.000 đồng, hiện nay ông đã trả đủ gốc và lãi cho Ngân hàng.

+ Thứ hai, Ngân hàng không cung cấp được chứng cứ phù hợp để chứng minh về khoản nợ yêu cầu 709.159.178 đồng.

+ Thứ ba, đối với Hợp đồng tín dụng số 6501-LAV-202300581 ngày 11/4/2023 do ông Nguyễn Quang D là cán bộ Ngân hàng lập và kêu ông ký tên, nhưng ngày 12/4/2023 ông không có mặt tại quầy thủ quỹ để rút tiền về khoản vay đó và nhận tiền. Ông nhiều lần yêu cầu được cung cấp trích xuất camera nhưng Ngân hàng chỉ cung cấp trích xuất camera ngày 11/4/2023, không cung cấp trích xuất camera ngày 12/4/2023 cho ông xem và nhiều lần tránh né, nói dữ liệu camera không còn nữa là không phù hợp. Đề nghị Ngân hàng cung cấp toàn hộ hồ sơ giao dịch ngày 04/4/2022 và ngày 12/4/2023 bản chính các hợp đồng tín dụng (có dấu đỏ và giáp lai của Ngân hàng), các chứng từ rút tiền, bảng kê, xác nhận giao dịch và video giám sát tại quầy giao dịch ngày 12/4/2023 và triệu tập Thủ quỹ để làm rõ đã giao số tiền 400.000.000 đồng cho ai vì lúc đó ông không có mặt tại Ngân hàng mà đang ở Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Thứ tư, yêu cầu đối chất sự việc giữa ông với ông Nguyễn Quang D (cán bộ Ngân hàng), bà Trần Thị Ánh T3 (Giao dịch viên). Ông cho rằng ông D giả mạo chữ ký của bà T3 vì chữ ký của bà T3 ở Chứng từ giao dịch ngày 12/4/2023 khác so với ngày 25/7/2022 và Ủy nhiệm chi ngày 26/7/2022.

+ Thứ năm, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S đã ban hành Quyết định không khởi tố vụ án hình sự trong khi chưa làm rõ bản chất toàn bộ vụ việc, chưa đối chất, chưa trích xuất camera ngày 12/4/2023, chưa làm rõ dòng tiền bị rút và chưa xác minh cụ thể trách nhiệm của ông Nguyễn Quang D. Việc kết luận không khởi tố một cách đơn phương, không khách quan và thiếu chứng cứ là không đảm bảo tính minh bạch, vô tình tạo điều kiện để hành vi vi phạm (nếu có) bị bỏ qua.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông, sửa bản án sơ thẩm.

- Bà Vũ Trâm A trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Thống nhất ý kiến trình bày của ông Lê Thanh T1, không bổ sung gì thêm.

- Ông Huỳnh Bạch K trình bày: Không thống nhất kháng cáo của ông Lê Thanh T1 và bà Vũ Ngọc T2, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thủ tục kháng cáo của ông Lê Thanh T1 và bà Vũ Ngọc T2 thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Thanh T1 và bà Vũ Ngọc T2; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2025/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp (Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đồng Tháp).

(Kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm số 387/PB-VKS-DS ngày 21/8/2025).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp (Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đồng Tháp) thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp"* là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Việc bị đơn ông Lê Thanh T1 nộp đơn kháng cáo vào ngày 06/5/2025 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Ngọc T2 nộp đơn kháng cáo vào ngày 08/5/2025 là trong thời hạn kháng cáo được quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông Lê Thanh T1 và bà Vũ Ngọc T2 yêu cầu Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 6501-LAV-202200919 ngày 20/5/2022 được ông Lê Thanh T1 ký với Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (gọi tắt là Ngân hàng), số tiền cho vay 300.000.000 đồng, mục đích sử dụng vốn vay: Trồng hoa kiểng, thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày ký đến hết ngày 20/5/2027, mức lãi suất: 10%/năm hoặc theo lãi suất ghi trên từng báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ.

Ngân hàng cho rằng ông T1 đã trả được số tiền gốc là 60.000.000 đồng vào ngày 31/5/2023, còn nợ lại số tiền gốc 240.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 07/6/2024 là 26.818.357 đồng. Ông T1 thừa nhận có ký tên vào hợp đồng và Ngân hàng có giải ngân cho ông số tiền 300.000.000 đồng vào số tài khoản 6501919277989 nhưng ông đã trả đủ gốc và lãi cho Ngân hàng. Việc này không được Ngân hàng thừa nhận và ông T1 không có tài liệu, chứng cứ chứng minh ông T1 đã trả đủ gốc và lãi cho Ngân hàng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông T1 có nghĩa vụ trả gốc 240.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 07/6/2024 là 26.818.357 đồng (trong đó tiền lãi trong hạn 26.646.576 đồng, lãi phạt quá hạn 171.781 đồng) cho Ngân hàng là phù hợp.

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 6501-LAV-202300581 ngày 11/4/2023 được ông Lê Thanh T1 ký với Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố S, tỉnh Đồng Tháp, số tiền cho vay 400.000.000 đồng, mục đích sử dụng vốn vay: Trồng hoa kiểng, thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày ký đến hết ngày 11/4/2028, mức lãi suất: 12%/năm hoặc theo lãi suất ghi trên từng báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ.

Ngân hàng cho rằng có giải ngân cho ông T1 vào số tài khoản 400.000.000 đồng, từ lúc vay đến nay ông T1 chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ

gốc nhưng có trả lãi được số tiền 13.287.671 đồng. Hiện nay còn dư nợ gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 07/6/2024 là 42.340.821 đồng. Ông T1 cho rằng Hợp đồng tín dụng số 6501-LAV-202300581 do Ngân hàng lập ngày 11/4/2023 nhưng ngày 12/4/2023 ông có đến Ngân hàng ký tên vào hợp đồng này để vay số tiền 400.000.000 đồng, hợp đồng này do ông Nguyễn Quang D (cán bộ Ngân hàng) kêu ông ký tên. Ngày 12/4/2023 trong tài khoản ông có 400.000.000 đồng nhưng ông không biết ai chuyển vào tài khoản của ông và ông không có rút tiền mặt 400.000.000 đồng vào ngày 12/4/2023, ông nhiều lần xem đoạn camera của ngày 12/4/2023 do Ngân hàng cung cấp, nhưng không có đoạn camera lúc ông rút tiền mặt 400.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, sau khi được tiếp cận các bản chính Hợp đồng tín dụng số 6501-LAV-202300581 ngày 11/4/2023, Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 11/4/2023, Chứng từ giao dịch ngày 12/4/2023, Giấy rút tiền mặt ngày 12/4/2023, Bảng kê các loại tiền chi ngày 12/4/2023 ông T1 thừa nhận chữ ký và chữ viết là của ông. Ông T1 thừa nhận vào ngày 12/4/2023 trong tài khoản của ông T1 mở tại Ngân hàng có số tiền 400.000.000 đồng nhưng ông T1 không có rút tiền mặt 400.000.000 đồng tại Ngân hàng, vì lúc đó ông ở Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T1 có khiếu nại sự việc và được Ngân hàng N - Chi nhánh S và tỉnh Đồng Tháp, Ngân hàng N2 Chi nhánh tỉnh Đ, Công an thành phố S làm việc và giải quyết bằng: Văn bản số 1295/ĐTH-TTGS ngày 17/10/2024, Biên bản làm việc ngày 05/8/2024, Văn bản số 1067/ĐTH-TTGS ngày 28/8/2024; Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm số 359/TB-ĐTTH ngày 04/6/2024, Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 579/QĐ-ĐTTH ngày 04/6/2024… thể hiện trên tất cả các Hợp đồng tín dụng, thế chấp, giấy nhận nợ, giấy rút tiền, chứng từ giao dịch…. tại Ngân hàng là do ông T1 ký tên và ghi họ tên.

Ông T1 có yêu cầu trích xuất đoạn camera ngày 12/4/2023 ghi hình lúc ông T1 rút tiền mặt, nhưng Ngân hàng không cung cấp mà chỉ cung cấp trích xuất đoạn camera tại bàn làm việc của ông D. Lời khai của chị Trương Xuân T4 là Thủ quỹ Ngân hàng vào ngày 12/4/2023 chị có làm thủ tục chi tiền cho ông T1 400.000.000 đồng thông qua Giấy rút tiền và chị có lập bảng kê các loại tiền chi, ông T1 có ký tên, ghi họ tên vào các chứng từ, chị cũng có ký tên vào các chứng từ trên. Ông T1 không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc ông không rút số tiền 400.000.000 đồng và thời điểm đó ông đang ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại các Biên bản hòa giải ngày 02/4/2025, Biên bản đối chất ngày 02/4/2025, Biên bản lấy lời khai ngày 03/01/2025, phiên tòa ngày 22/4/2025 lời khai của ông T1 có sự mâu thuẫn và không thống nhất với nhau: Khi khai vay tổng vốn gốc là 1.200.000.000 đồng đã trả gốc và lãi xong, khi khai vay tổng

vốn gốc 1.500.000.000 đồng đã trả 1.260.000.000 đồng, hiện còn nợ Ngân hàng gốc là 235.000.000 đồng.

Từ đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở chứng minh vào ngày 12/4/2023 Ngân hàng có chuyển vào tài khoản của ông T1 400.000.000 đồng và ông T1 có rút tiền mặt số tiền trên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông T1 có nghĩa vụ trả gốc 400.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 07/6/2024 là 42.340.821 đồng (trong đó tiền lãi trong hạn 41.578.081 đồng, lãi phạt quá hạn 762.740 đồng) cho Ngân hàng là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Thanh T1 có đơn yêu cầu giám định chữ ký của chị Trần Thị Ánh T3 là giao dịch viên trong Chứng từ giao dịch ngày 12/4/2023 là không có cơ sở chấp nhận, vì ông T1 đã thừa nhận chữ ký và chữ viết trong Chứng từ giao dịch ngày 12/4/2023 là của ông.

- Đối với các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất:

Ngày 07/7/2021, bà Vũ Ngọc T2 ký hợp đồng ủy quyền cho ông Lê Thanh T1 được toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc nhận cọc, chuyển nhượng, tặng cho…thế chấp các thửa đất số 517, 518, 519 cùng tờ bản đồ số 41, đất tọa lạc tại xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp được Văn phòng C chứng nhận. Ngày 19/7/2021, ông Lê Thanh T1 ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 67/TC và số 68/TC với Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố S, tỉnh Đồng Tháp để thế chấp quyền sử dụng đất thửa số 518 và 519 được Phòng C1 tỉnh Đồng Tháp chứng nhận. Đồng thời, việc thế chấp được đăng ký bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S đúng quy định của pháp luật.

Do ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về xử lý tài sản thế chấp và không chấp nhận yêu cầu của ông T1, bà T2 về việc trả lại 02 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa số 518, 519 là phù hợp.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T1 cho rằng vào ngày 04/4/2022 ông không có nhận tiền vay 300.000.000 đồng theo Giấy rút tiền ngày 04/4/2022 từ Ngân hàng. Ngân hàng cho rằng ngày 07/10/2021 ông T1 có ký Hợp đồng tín dụng số 6501-LAV-202101561 để vay 750.000.000 đồng, Ngân hàng giải ngân vào tài khoản 6501919277989 của ông T1 03 lần là 600.000.000 đồng: Lần 1 vào ngày 07/10/2021 giải ngân 200.000.000 đồng; Lần 2 vào ngày 27/12/2021 giải ngân 100.000.000 đồng; Lần 3 vào ngày 04/4/2022 giải ngân 300.000.000 đồng. Ông T1 trả xong gốc và lãi ngày 10/4/2023. Ngân hàng không có tranh chấp và yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, trường hợp đương sự có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, trình bày của ông T1 và bà T2 là không có đủ căn cứ, đồng thời ông T1 và bà T2 cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở. Từ đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông T1 và bà T2.

[5] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của ông T1 và bà T2 không được chấp nhận, nên ông T1 và bà T2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Thanh T1 và bà Vũ Ngọc T2.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2025/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp (Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đồng Tháp).

2.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc ông Lê Thanh T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền gốc và lãi đến ngày 07/6/2024 là 709.159.178 đồng (Bảy trăm lẻ chín triệu một trăm năm mươi chín nghìn một trăm bảy mươi tám đồng) và tiếp tục trả lãi từ ngày 08/6/2024 đến khi trả nợ xong theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trong trường hợp ông Lê Thanh T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông Lê Thanh T1 theo các Hợp đồng thế chấp đã ký kết. Nếu tài sản không đủ thi hành án thì ông Lê Thanh T1 có nghĩa vụ trả nợ đến khi trả nợ xong.

Ngân hàng N tự nguyện giao trả cho ông Lê Thanh T1 tài sản thế chấp là bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa 518 và 519 cùng tờ bản đồ số 41, đất do ông Lê Thanh T1 đứng tên quyền sử dụng khi đã thanh toán xong tất cả các khoản nợ cho Ngân hàng (nếu còn).

2.2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Thanh T1 và bà Vũ Ngọc T2 yêu cầu Ngân hàng N trả lại 02 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất các thửa 518 và 519 cùng tờ bản đồ số 41, do ông Lê Thanh T1 đứng tên quyền sử dụng.

2.3. Về án phí, tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng:

Ông Lê Thanh T1 phải chịu 32.366.500 đồng (Ba mươi hai triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Thanh T1 và bà Vũ Ngọc T2 cùng liên đới chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm do không chấp nhận yêu cầu phản tố, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007993 ngày 13/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Đồng Tháp).

Hoàn trả cho Ngân hàng N 16.183.000 đồng (Mười sáu triệu một trăm tám mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007952 ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Đồng Tháp).

Ngân hàng N tự nguyện chịu và đã chi xong 800.000 đồng (T5 trăm nghìn đồng) chi phí tố tụng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Thanh T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006668 ngày 07/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Đồng Tháp).

Bà Vũ Ngọc T2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006677 ngày 13/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Đồng Tháp).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND Tỉnh;
- Phòng TT, KT & THA TAND Tỉnh;
- TAND khu vực 8 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu: VT, TDS, HSVA (Quang).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Hứa Quang Thông